

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIỄN CHÂU
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 18-8-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Anh và ông Nguyễn Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Thanh Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2022/QĐHPT-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị B, sinh năm 1987. Có mặt

Địa chỉ: xóm 6, xã Diễn L, huyện Diễn C, tỉnh Nghệ An

- Bị đơn: Anh Đậu Công Q, sinh năm 1986. Vắng mặt

Địa chỉ: xóm 9, xã Diễn T, huyện Diễn C, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trịnh Thị B trình bày:

Chị Trịnh Thị B và anh Đậu Công Q lấy nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng

vào ngày 22/7/2011. Sau khi lấy nhau, vợ chồng sinh sống và làm ăn tại tỉnh Lâm Đồng được khoảng một năm thì trở về huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An để sinh sống và làm ăn. Năm 2014 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về cách sống, cách làm ăn kinh tế, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh Q đã nhiều lần đánh đập chị vô cớ, chị không thể sống chung với anh Q được nữa nên đã phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở xã Diên Lợi, huyện Diên Châu sinh sống từ cuối năm 2014 cho đến nay và cắt đứt mọi quan hệ với anh Q, anh Q không cho chị đưa con về nuôi. Nay giữa chị và anh Q không còn tình cảm gì, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đậu Công Q.

- Về con chung: Chị Trịnh Thị B và anh Đậu Công Q có 01 người con chung là Đậu Nhật Q, sinh ngày 04/05/2012. Từ ngày vợ chồng sống ly thân cho đến nay, cháu Quang ở với anh Q và bố mẹ anh Q. Để đảm bảo cuộc sống ổn định cho con, chị nhường quyền nuôi con cho anh Q được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trịnh Thị B xin tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ: Chị Trịnh Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Bị đơn anh Đậu Công Q*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án và đơn khởi kiện của chị Trịnh Thị B (bản phô tô); Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập phiên tòa cho anh Đậu Công Q nhưng anh Q không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Anh Đậu Công Q không có bản khai tại Tòa án.

3. *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến*:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã xác định tư cách pháp lý của các đương sự; thu thập chứng cứ; cấp tổng đạt các văn bản tố tụng ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập phiên tòa cho các đương sự; thực hiện thời hạn chuẩn bị xét xử theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thư ký tòa án thực hiện đúng các quy định về phổ biến nội quy phiên tòa, kiểm tra báo cáo danh sách những người được triệu tập đến phiên tòa.

Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục bắt đầu phiên tòa, thực hiện nội dung, phương thức, thứ tự tranh tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị B được ly hôn anh Đậu Công Q.

Về con chung: Giao con chung Đậu Nhật Q, sinh ngày 04/05/2012 cho anh Đậu Công Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Trịnh Thị B vì anh Q không có ý kiến yêu cầu, nếu anh Q có yêu cầu thì xem xét giải quyết trong một vụ án khác.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trịnh Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn chị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con. Nguyên đơn, bị đơn đều cư trú tại huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo lời khai của chị Trịnh Thị B, được thể hiện tại các tài liệu trong hồ sơ thì thấy: Chị Trịnh Thị B và anh Đậu Công Q lấy nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 22/7/2011; hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm các quy định về điều kiện

kết hôn tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Trịnh Thị B và anh Đậu Công Q là hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Nguyên đơn khai sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống và làm ăn tại tỉnh Lâm Đồng được khoảng một năm thì trở về huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An sinh sống và làm ăn, đến năm 2014 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về cách sống, cách làm ăn kinh tế, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh Q đã nhiều lần đánh đập chị vô cớ, chị không thể sống chung với anh Q được nữa nên đã phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị để sinh sống từ cuối năm 2014 cho đến nay và cắt đứt mọi quan hệ với anh Q. Bị đơn anh Đậu Công Q đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh Q không có bất cứ ý kiến gì gửi cho Tòa án.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc kết hôn là để vợ chồng cùng chung sống xây dựng gia đình hạnh phúc, yêu thương, chia sẻ với nhau khó khăn trong cuộc sống. Đó cũng là nghĩa vụ, bổn phận của người làm vợ, làm chồng. Qua lời khai của người làm chứng ông Đậu Công C (là bố đẻ của anh Q) cho thấy; vợ chồng chị B, anh Q sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, chị B tự ý bỏ nhà đi chỗ khác để sinh sống, để cháu Đậu Nhật Q là con của chị B và anh Q cho anh Q và bố mẹ anh Q nuôi cho đến nay. Như vậy, có thể khẳng định; tình trạng hôn nhân giữa chị B và anh Q đã trở nên mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Trịnh Thị B được ly hôn anh Đậu Công Q.

[2.2] Về con chung: Qua lời khai của chị Trịnh Thị B, người làm chứng là ông Đậu Công C và các tài liệu khác có trong hồ sơ thì thấy, giữa chị Trịnh Thị B và anh Đậu Công Q có 01 người con chung là cháu Đậu Nhật Q, sinh ngày 04/05/2012. Từ ngày vợ chồng sống ly thân cho đến nay, cháu Quang ở với anh Q và bố mẹ của anh Q. Tòa án đã ra thông báo cho chị B, anh Q và bố anh Q là ông Đậu Công Chức đưa cháu Đậu Nhật Q đến Tòa án để cháu Quang trình bày nguyện vọng nhưng chị B, anh Q và ông Chức không đưa cháu Quang đến Tòa nên cháu Quang không có bản trình bày nguyện vọng. Hội đồng xét xử thấy rằng; từ năm 2014 cho đến nay cháu Quang do một mình anh Q nuôi dưỡng, chị B có nguyện vọng nhường quyền nuôi con cho anh Q được trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, cần giao con chung Đậu Nhật Q cho anh Đậu Công Q được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp. Chị Trịnh Thị B có quyền và nghĩa vụ thăm mom con, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: do anh Đậu Công Q không có ý kiến yêu cầu nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị Trịnh Thị B, nếu anh Q có yêu cầu thì xem xét giải quyết trong một vụ án khác.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trịnh Thị B không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn chị Trịnh Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 227, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trịnh Thị B:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị B được ly hôn anh Đậu Công Q.

2. Về con chung: Giao con chung Đậu Nhật Q, sinh ngày 04/05/2012 cho anh Đậu Công Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Trịnh Thị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Nếu chị B lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Q có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị B.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Trịnh Thị B.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trịnh Thị B không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp theo biên lai số 0001618 ngày 17/03/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Chị Trịnh Thị B đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trịnh Thị B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn anh Đậu Công Q vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Diễn Châu;
- Thi hành án DS H. Diễn Châu;
- UBND thị trấn Lộc Thắng (nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Đức Thúy